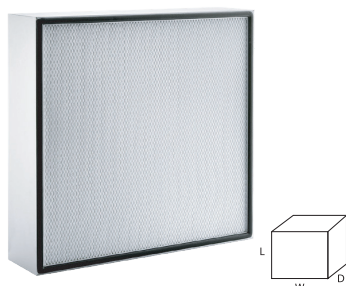


Mega AP-150-P125



Model: MAP13-610x610x150-10/22-125

MAP13: Mega AP, Cấp độ lọc H13 theo EN1822

610x610x150: Kích thước WxLxD mm

10/22: Gioăng mặt gió vào / lưới hai mặt

125: Độ dày nếp gấp mm

Mã MGT: HL13ARE2PG-610x610x150

ỨNG DỤNG

Sử dụng cho hệ thống lọc khí tuyệt đối trong môi trường kiểm soát ô nhiễm, phòng sạch, thiết bị dòng khí thẳng (LAF) và phòng mổ.

Lọc dòng khí chảy tầng

Khung: Nhôm

Vật liệu lọc: Sợi thủy tinh

Lưới bảo vệ: Hai mặt

Loại gasket: Polyurethane

Vị trí gasket: Mặt gió vào

Giai đoạn lọc: III-IV

Hiệu suất hạt MPPS EN 1822:

H13 ($\geq 99.95\%$), H14 ($\geq 99.995\%$),

U15 ($\geq 99.9995\%$).

Nhiệt độ tối đa: 80°C

Độ ẩm tương đối: 100%

Chênh áp cuối : 600 Pa

Cấp độ chống cháy: K1/F1 theo tiêu chuẩn DIN53438

Model	Mã	Mã MGT	Kích thước WxLxD	Cấp lọc EN 1822	Độ dày nếp gấp (mm)	Diện tích vật liệu lọc (m ²)	Lưu lượng (m ³ /h)	Chênh áp ban đầu (Pa)	Trọng lượng (kg)
MAP13-305x305x150-10/22-125	151501ESM	HL13ARE2PG	305x305x150	H13	125	5.6	150	70	2
MAP13-305x610x150-10/22-125	151502ESM	HL13ARE2PG	305x610x150	H13	125	11.25	300	70	3.8
MAP13-457x457x150-10/22-125	151503ESM	HL13ARE2PG	457x457x150	H13	125	12.5	350	70	5
MAP13-457x610x150-10/22-125	151504ESM	HL13ARE2PG	457x610x150	H13	125	16.8	450	70	7
MAP13-610x610x150-10/22-125	151505ESM	HL13ARE2PG	610x610x150	H13	125	22.5	600	70	8
MAP13-610x762x150-10/22-125	151506ESM	HL13ARE2PG	610x762x150	H13	125	28.3	750	70	9
MAP13-610x915x150-10/22-125	151507ESM	HL13ARE2PG	610x915x150	H13	125	33.75	900	70	10.5
MAP13-610x1220x150-10/22-125	151508ESM	HL13ARE2PG	610x1220x150	H13	125	45	1500	70	13.5
MAP13-762x762x150-10/22-125	151509ESM	HL13ARE2PG	762x762x150	H13	125	35	900	70	10.5
MAP13-762x915x150-10/22-125	151510ESM	HL13ARE2PG	762x915x150	H13	125	42.5	1150	70	11
MAP13-915x915x150-10/22-125	151511ESM	HL13ARE2PG	915x915x150	H13	125	51.85	1350	70	12
MAP14-305x305x150-10/22-125	151512ESM	HL14ARE2PG	305x305x150	H14	125	5.6	150	80	2
MAP14-305x610x150-10/22-125	151513ESM	HL14ARE2PG	305x610x150	H14	125	11.25	300	80	3.8
MAP14-457x457x150-10/22-125	151514ESM	HL14ARE2PG	457x457x150	H14	125	12.5	350	80	5
MAP14-457x610x150-10/22-125	151515ESM	HL14ARE2PG	457x610x150	H14	125	16.8	450	80	7
MAP14-610x610x150-10/22-125	151516ESM	HL14ARE2PG	610x610x150	H14	125	22.5	600	80	8
MAP14-610x762x150-10/22-125	151517ESM	HL14ARE2PG	610x762x150	H14	125	28.3	750	80	9
MAP14-610x915x150-10/22-125	151518ESM	HL14ARE2PG	610x915x150	H14	125	33.75	900	80	10.5
MAP14-610x1220x150-10/22-125	151519ESM	HL14ARE2PG	610x1220x150	H14	125	45	1200	80	13.5
MAP14-762x762x150-10/22-125	151520ESM	HL14ARE2PG	762x762x150	H14	125	35	900	80	10.5
MAP14-762x915x150-10/22-125	151521ESM	HL14ARE2PG	762x915x150	H14	125	42.5	1150	80	11
MAP14-915x915x150-10/22-125	151522ESM	HL14ARE2PG	915x915x150	H14	125	51.85	1350	80	12
MAP15-305x305x150-10/22-125	151523ESM	HL15ARE2PG	305x305x150	U15	125	5.6	150	90	2
MAP15-305x610x150-10/22-125	151524ESM	HL15ARE2PG	305x610x150	U15	125	11.25	300	90	3.8
MAP15-457x457x150-10/22-125	151525ESM	HL15ARE2PG	457x457x150	U15	125	12.5	350	90	5
MAP15-457x610x150-10/22-125	151526ESM	HL15ARE2PG	457x610x150	U15	125	16.8	450	90	7
MAP15-610x610x150-10/22-125	151527ESM	HL15ARE2PG	610x610x150	U15	125	22.5	600	90	8
MAP15-610x762x150-10/22-125	151528ESM	HL15ARE2PG	610x762x150	U15	125	28.3	750	90	9

MADE IN TURKEY

Manufacturer: MGT

Model	Mã	Mã MGT	Kích thước WxLxD	Cấp lọc EN 1822	Độ dày nếp gấp (mm)	Diện tích vật liệu lọc (m ²)	Lưu lượng (m ³ /h)	Chênh áp ban đầu (Pa)	Trọng lượng (kg)
MAP15-610x915x150-10/22-125	151529ESM	HL15ARE2PG	610x915x150	U15	125	33.75	900	90	10.5
MAP15-610x1220x150-10/22-125	151530ESM	HL15ARE2PG	610x1220x150	U15	125	45	1200	90	13.5
MAP15-762x762x150-10/22-125	151531ESM	HL15ARE2PG	762x762x150	U15	125	35	900	90	10.5
MAP15-762x915x150-10/22-125	151532ESM	HL15ARE2PG	762x915x150	U15	125	42.5	1150	90	11
MAP15-915x915x150-10/22-125	151533ESM	HL15ARE2PG	915x915x150	U15	125	51.85	1350	90	12

Tùy chọn khác theo yêu cầu:

Vật liệu lọc: Loại chịu nhiệt cao (Tối đa 120°C).

Lưới bảo vệ: Không lưới, Mặt gió ra, Cả hai mặt.

Loại gioăng: Không, Cao su, EPDM, chịu nhiệt cao.

Vị trí gioăng: Không có, Mặt gió ra, Cả hai mặt.

Chứng nhận ATEX: cho bộ lọc không khí phù hợp cho khu vực có nguy cơ cháy nổ vùng 1, 2, 21 và 22.

Chứng nhận vệ sinh: Lọc HEPA | VDI 6022 Blatt 1:2018, DIN 1946-4:2018, ISO 846:2019 Plastics, BS EN 17141:2020.

Vật liệu tuân thủ tiếp xúc thực phẩm: Lọc HEPA | (EC) No 1935/2004, (EC) No 2002/72, (EU) No 10/2011, (EU) No 2020/1245, U.S. FDA-Determining the Regulatory Status of Components of a Food Contact Material.

MADE IN TURKEY

Manufacturer: MGT